

TUẦN 13**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM****CHỦ ĐỀ 4: EM VỚI CỘNG ĐỒNG****EM LÀ NGƯỜI THÂN THIỆN****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Hiểu được ý nghĩa của việc cư xử thân thiện với những người sống xung quanh.
- Tự tin trình diễn tiểu phẩm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, tiểu phẩm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động mở đầu Khởi động (3 - 5')**

- Chào cờ, hát quốc ca, đội ca, ổn định chỗ.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (25 - 28')

- GV tổ chức cho một nhóm HS trình diễn tiểu phẩm đã chuẩn bị trước theo chủ đề Em là người thân thiện.
- GV xây dựng tiểu phẩm liên quan đến hành vi ứng xử thân thiện hoặc chưa thân thiện với mọi người xung quanh.



- HS lắng nghe và tham gia theo sự hướng dẫn của GV.
- GV mời một số HS chia sẻ bài học rút ra từ tiểu phẩm.
- HS chia sẻ.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (1 - 2')

- GV nhận xét tiết học, khen ngợi và tuyên dương. Giao nhiệm vụ tập luyện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

ĐẠO ĐỨC**CHỦ ĐỀ: VƯỢT QUA KHÓ KHĂN****BÀI 5: EM BẢO VỆ CÁI ĐÚNG, CÁI TỐT****(Tiết 2)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được cái đúng, cái tốt cần bảo vệ.
- Biết vì sao phải bảo vệ cái đúng, cái tốt.
- Biết một số cách đơn giản để bảo vệ cái đúng, cái tốt.
- Mạnh dạn bảo vệ cái đúng, cái tốt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- Gv cho HS xem video bài hát *Nói lời hay – Làm việc tốt* của nhạc sĩ Mai Trâm, sau đó yêu cầu HS kể lại các việc làm tốt của bạn trong bài hát.
- GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.
- GV nhận xét, đánh giá, rút ra câu trả lời phù hợp nhất và dẫn nhập vào bài học.
- GV nhận xét, tổng kết hoạt động và dẫn dắt vào bài mới: **Bài 5: Em bảo vệ cái đúng, cái tốt**

2. Hoạt động hình Luyện tập, thực hành (23-25')**Hoạt động 1. Mô tả việc làm của các bạn trong tranh và trả lời câu hỏi**

- GV giới thiệu bốn tranh trong SGK, yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:
 - a. Theo em, cái đúng, cái tốt nào cần được bảo vệ qua lời nói, việc làm của các bạn trong tranh.
- + HS nêu được cái đúng, cái tốt cần được bảo vệ.

Tranh 1: Giám lên tiếng trước cái sai, cái xấu.

Tranh 2: Bảo vệ người biết giúp đỡ người gặp khó khăn.

Tranh 3: Bảo vệ người dũng cảm giúp đỡ người gặp khó khăn.

Tranh 4: Bảo vệ người trung thực, không tham lam

b. Em hãy kể thêm những cái đúng, cái tốt khác cần được bảo vệ.

- GV cho HS kể thêm những cái đúng, cái tốt khác cần được bảo vệ.

- GV mời HS phát biểu câu trả lời.+ HS kể thêm những cái đúng, cái tốt khác cần được bảo vệ như: thể hiện bằng lời nói, việc làm ủng hộ những người làm việc tốt, đúng với pháp luật, đạo đức, đồng thời lên tiếng, phê phán những việc làm vi phạm đạo đức và pháp luật,...

- GV nhận xét, đánh giá và rút ra câu trả lời phù hợp.

Hoạt động 2. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi:

a. Em có nhận xét gì về việc làm của chú cảnh sát trong câu chuyện trên?

+ HS nhận xét được việc làm của chú cảnh sát trong câu chuyện: Chú cảnh sát đã thể hiện mình là một người rất chính trực, thực hiện đúng nhiệm vụ của người cảnh sát, thấy cái sai dám lên tiếng, không cả nể, bỏ qua lỗi vi phạm mặc dù đó là xe chở Thủ tướng Anh Uyn-ton Sóc- sin (Winston Churchill)

b. Theo em, vì sao phải bảo vệ cái đúng, cái tốt?

- GV mời HS phát biểu câu trả lời.

+ HS giải thích vì sao phải bảo vệ cái đúng, cái tốt làm cho xã hội tiến bộ và văn minh hơn, góp phần đấu tranh chống sự thờ ơ, vô cảm, chống cái xấu, cái ác lây lan trong xã hội. Đấu tranh, bảo vệ cái đúng, cái tốt sẽ được mọi người yêu quý và kính trọng. Đấu tranh, bảo vệ cái đúng, cái tốt giúp rèn đức tính dũng cảm, sống có trách nhiệm,...

- GV nhận xét và đưa ra câu trả lời phù hợp.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV mời HS tổ chức trò chơi “Phóng viên nhí”: Một học sinh đóng vai phóng viên và phỏng vấn các bạn khác trong lớp các câu hỏi câu hỏi về một số việc bản thân đã làm để bảo vệ cái đúng, cái tốt

- Nhận xét sau tiết dạy

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)
.....**CÔNG NGHỆ****Bài 5: SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI (TIẾT 1)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Trình bày được tác dụng của điện thoại. Nhận biết và nêu được các bộ phận cơ bản của điện thoại.
- Giao tiếp công nghệ; Mô tả được điện thoại gồm các bộ phận cơ bản nào. Mô tả được tác dụng của điện thoại.
- Đánh giá công nghệ: Đưa ra lí do thích hay không thích sử dụng điện thoại.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- GV yêu cầu HS quan sát bức tranh mở đầu trong SGK (trang 19).
- + GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động đóng vai theo nhóm ba để gọi điện cho bố hỏi thăm tình hình sức khỏe và bày tỏ tình cảm với bố.
- GV mời hai nhóm trình bày.



- Các nhóm còn lại quan sát và nêu nhận xét về việc sử dụng điện thoại

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:

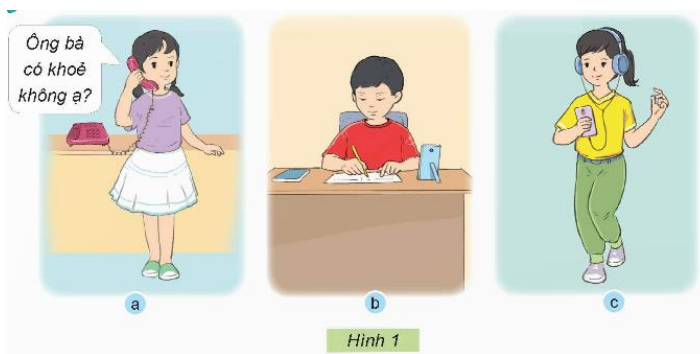
Trong cuộc sống hằng ngày chiếc điện thoại luôn đi theo con người như hình với bóng, chúng ta sử dụng điện thoại để giao tiếp, trao đổi thông tin, cập nhật tin tức bất kì nơi đâu, điện thoại không thể thiếu đối với mỗi con người. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài 5 “Sử dụng điện thoại”.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (8 – 10’)

2.1. Tìm hiểu tác dụng của điện thoại.

- HS quan sát hình 1 (SGK trang 19) và cho biết tác dụng của điện thoại. (HS làm việc cá nhân).

- GV gọi 2 – 3 HS nêu tác dụng của điện thoại.



- GV cho HS xem một đoạn video về tác dụng của điện thoại.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi khi đã xem xong video.

+ Điện thoại được sử dụng để làm gì?

+ Điện thoại mang đến lợi ích gì cho con người?

+ Em thường sử dụng điện thoại để làm gì?

+ *Em có thích sử dụng điện thoại không? Vì sao?*

- GV mời đại diện nhóm trình bày.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV kết luận:

+ *Điện thoại dùng để liên lạc.*

+ *Điện thoại di động hiện đại còn hỗ trợ các tiện ích khác như: nghe nhạc, xem phim, định vị, truy cập Internet...*

+ *Điện thoại có thể để bàn (điện thoại cố định) hoặc điện thoại mang theo người (điện thoại di động).*

- GV yêu cầu HS quan sát hình 2 (SGK trang 20)

và giảng giải thêm:



Chiếc điện thoại đầu tiên được ra đời từ năm 1876. Điện thoại đã được nghiên cứu và cải tiến với nhiều kiểu dáng và tính năng khác nhau.

2.2. hiểu các bộ phận cơ bản của điện thoại.

- GV phát cho mỗi nhóm 1 hình ảnh điện thoại cố định, 1 hình ảnh điện thoại di động và các thẻ tên của các bộ phận trên mỗi điện thoại.

- GV yêu cầu các nhóm thảo luận và gắn thẻ tên vào đúng các bộ phận tương ứng của điện thoại. Nhóm nào thực hiện nhanh nhất và chính xác nhất sẽ chiến thắng.

- GV mời nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét.



Điện thoại cố định

Điện thoại di động

- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:

+ **Điện thoại cố định gồm hai bộ phận cơ bản: ống nghe và nói, bàn phím.**

+ **Điện thoại di động gồm nhiều bộ phận: loa, micro, màn hình, camera, nút chỉnh âm lượng, nút bật/tắt nguồn, cổng cắm nguồn, đèn pin...**

- GV gọi HS nhắc lại.

3. Hoạt động Thực hành, luyện tập (10 – 15’)

Hoạt động trò chơi: “Hiểu ý đồng đội”

- GV tổ chức trò chơi “Hiểu ý đồng đội”.

- Luật chơi:

+ Hai đội tham gia trò chơi tương ứng với hai nhóm.

+ Mỗi nhóm sẽ có hình các bộ phận của điện thoại, chỉ 1 thành viên của nhóm được xem hình và diễn đạt bằng hành động, cử chỉ, điệu bộ, không được dùng lời để giải thích.

+ Các thành viên còn lại sẽ đoán tên bộ phận của điện thoại.

+ Tên bộ phận nào đoán đúng sẽ được đánh lên bảng lớp của đội đó. Bộ phận đoán chưa đúng không được đánh lên bảng.

+ Trong 5 phút, đội nào có số bộ phận được đoán đúng nhiều nhất sẽ là đội chiến thắng.

- GV tổng kết trò chơi.

- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5’)

- GV mời HS chia sẻ về chiếc điện thoại của em hoặc của người thân trong gia đình em.

Nêu lí do em thích hay không thích sử dụng điện thoại, vì sao?

- GV nhận xét tuyên dương.
- Nhận xét sau tiết dạy.
- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

Bài 25: HÌNH THANG, DIỆN TÍCH HÌNH THANG (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh hình thành được cách tính diện tích hình thang dựa vào diện tích các hình đã học trước đó, từ đây nhận diện về ghi nhớ được cách tính diện tích hình thang.
- Học sinh vận dụng được cách tính diện tích của hình thang để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Học sinh có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV dẫn dắt vào bài mới: Chúng ta đã học cách tính diện tích hình tam giác, hình vuông,
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

Cho hình thang ABCD như hình sau:

- + Câu 1: Hình thang ABCD có một cặp cạnh song song với nhau. Đó là cặp cạnh nào?
 - + Câu 2: Hình thang ABCD có mấy cạnh đáy?
 - + Câu 3: Trong hình thang ABCD, đoạn thẳng AH là gì?
 - + Câu 4: Hãy so sánh diện tích hình thang ABCD với tổng diện tích hình tam giác ADH và hình thang ABCH.
- GV Nhận xét, tuyên dương.

hình chữ nhật,... vậy muốn tính diện tích hình thang ta làm như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay nhé!

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức mới (8 – 10’)

- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:



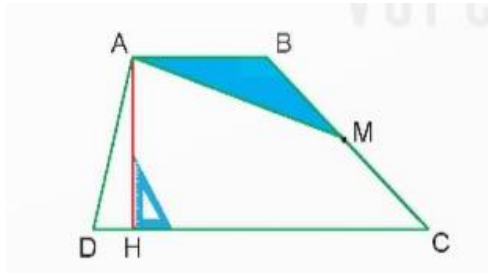
* Tình huống a:

- + Học sinh sử dụng hình thang đã chuẩn bị trước (2 hình thang bằng nhau), thảo luận nhóm 4, thử nghĩ cách để tìm ra cách tính diện tích hình thang trong 2 phút.
- + Học sinh nêu các cách để tính được diện tích dựa trên diện tích, những hình đã học được.
- + 3 học sinh đóng vai Nam, Mai và Rô-bốt đọc to bóng trò chuyện xem các bạn ấy đã nghĩ ra cách làm như thế nào?

- GV nhận xét về những cách làm các bạn HS vừa nêu.

*** Cách tính diện tích hình thang:**

- GV yêu cầu HS trình bày cách ghép hình thang thành một hình tam giác.



- GV hỏi: Hãy so sánh diện tích hình thang ABCD và hình tam giác ADK.

- GV hỏi: Để tính diện tích hình thang ABCD ta làm thế nào?

- GV yêu cầu HS nêu cách tính diện tích hình tam giác ADK.

- Cạnh DK = ?

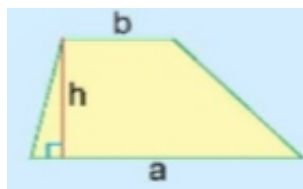
- HS nêu cách tính diện tích hình thang.

- HS nhận xét.

- HS rút ra cách tính diện tích hình thang.

- 3- 5 HS nhắc lại cách tính diện tích hình thang.

- GV đưa ra công thức tính diện tích hình thang.



$$S = \frac{(a+b) \cdot h}{2}$$

Trong đó:

S là diện tích;

a và b là độ dài đáy;

h là chiều cao.

- GV yêu cầu HS đọc bài thơ hình thang trong SGK.



- GV nhận xét, tuyên dương.

3. Hoạt động luyện tập thực hành (10 – 15')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 103/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chú bài.

Bài 1.

- HS xác định yêu cầu đề bài.
- GV yêu cầu HS vẽ hình vào vở cá nhân.
- GV mời 1 – 2 HS lên bảng vẽ đường cao trên bảng phụ và nói rõ cách làm.
- GV chữa bài, chốt đáp án.

Bài 2.

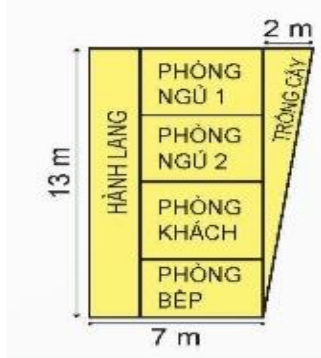
- HS đọc đề bài và quan sát hình trong SGK.
- HS thảo luận nhóm đôi.
- Đại diện HS trình bày kết quả.
- GV nhận xét, chữa bài.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng hình thức trải nghiệm “Em là nhà thiết kế”

- **Bài 3:**a) Hình bên là bản vẽ thiết kế một ngôi nhà trên mảnh đất có dạng hình thang vuông. Tính diện tích mảnh đất đó

b) Với mảnh đất như vậy, hãy thiết kế lại các phòng theo ý thích của em.



- GV nhận xét, tuyên dương.
- HS hoạt động nhóm 4 để thực hiện nhiệm vụ.
- HS báo cáo kết quả câu a và đối chiếu kết quả giữa các nhóm
- GV lưu ý: Cạnh bên vuông góc chính là chiều cao của hình thang.
- HS trưng bày thiết kế căn phòng của mình.
- GV mời 2 nhóm trình bày cách thiết kế nhà của nhóm mình.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

Bài 26: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS tính được diện tích hình thang.
- HS vận dụng được tính diện tích hình thang vào một số bài tập cụ thể với nhiều tình huống khác nhau.
- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.
- + Câu 1: Nêu các đặc điểm của hình tam giác vuông .
- + Câu 2: Nêu các đặc điểm của hình thang.
- + Câu 3: Nêu cách tính diện tích hình tam giác?
- + Câu 4: Nêu cách tính diện tích hình thang.
- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 104/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.
- GV hỏi: Muốn tính diện tích hình thang, ta làm như thế nào?
- HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập vào vở.
- HS lên trình bày kết quả.
- GV gọi HS nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương.

**GV kết luận: Củng cố cách tính diện tích hình thang.*

Bài 2.

- HS đọc đề bài.
- HS nhận xét đơn vị đo của 2 đáy với chiều cao.
- GV hỏi: Trước khi tính diện tích hình thang, ta phải làm gì?
- HS hoạt động nhóm đôi để lựa chọn đáp án đúng.
- GV gọi đại diện các nhóm chia sẻ kết quả.
- GV gọi các nhóm nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài.
- GV hỏi: Để tính diện tích con thuyền, ta phải làm như thế nào?
- GV có thể gợi mở bằng cách đặt một số câu hỏi:
 - + Thân thuyền có dạng hình gì? Để tính diện tích hình thang đó, cần biết những kích thước nào? Có xác định được độ dài hai đáy và chiều cao không?
 - + Mỗi cánh buồm có dạng hình gì? Để tính diện tích hình tam giác, cần biết những kích thước nào? Có xác định được độ dài đáy và chiều cao tương ứng không?
- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 để tính diện tích con thuyền.
- GV gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả.
- GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét.
- GV Nhận xét, tuyên dương.

****GV kết luận: Vận dụng cách tính diện tích tam giác, hình thang đã học để tính diện tích hình được tạo bởi nhiều hình tam giác và hình thang.***

Bài 4:

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài.
- HS làm bài tập vào vở.
- GV gọi HS lên bảng trình bày.
- HS trao đổi vở cho nhau.
- GV nhận xét, tuyên dương.

****GV kết luận: Vận dụng cách tính diện tích thang vào bài toán thực tế***

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng hình thức trò chơi "ai nhanh, ai đúng" để học sinh nhận biết các đồ vật có dạng hình tam giác và các đồ vật có dạng hình thang.
- HS "tìm các vật có dạng hình tam giác hoặc hình thang trong thực tế".
- GV tổ chức 2 nhóm tham gia trải nghiệm: Một nhóm tìm đồ vật có dạng hình tam giác; một nhóm tìm đồ vật có dạng hình thang. Nhóm nào tìm được nhanh và nhiều nhất sẽ được tuyên dương.
- Nhận xét, tuyên dương.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

Bài 27: ĐƯỜNG TRÒN. CHU VI VÀ DIỆN TÍCH HÌNH TRÒN (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh nhận biết được đường tròn và cách vẽ đường tròn, phân biệt được hình tròn và đường tròn.
- Học sinh vận dụng được việc nhận biết các đặc điểm của hình tròn để giải quyết một số vấn đề trong thực tế.
- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Kể tên các hình có 4 cạnh.

+ Câu 2: Kể tên hình có 3 cạnh.

+ Câu 3: Kể tên hình có 0 cạnh.

+ Câu 4: Đọc tên tâm, bán kính, đường kính của hình tròn dưới đây.

- GV nhận xét, khen ngợi.

- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức mới (8 – 10’)

- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:



- **Tình huống a:**

+ Bạn Mai tô màu hình gì?

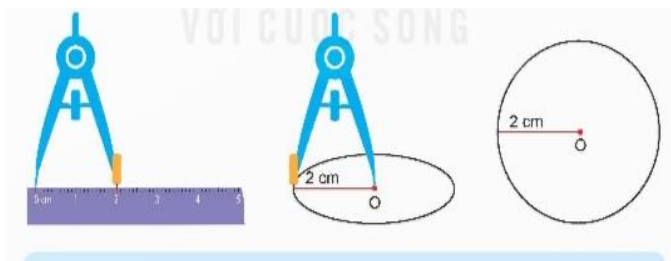
+ Bạn Rô-bốt vẽ gì?

+ Dựa theo tình huống, hãy phân biệt hình tròn và đường tròn.

- + Bạn Rô- bớt dùng dụng cụ gì để vẽ đường tròn. Đường tròn có bán kính bao nhiêu?
- + GV có thể hướng dẫn cách vẽ một hành tinh: Đầu tiên, vẽ một đường tròn tâm O bán kính 15 cm. Sau đó, vẽ thêm các chi tiết bên trong và tô màu đường tròn này để được một hình tròn. Mẫu hành tinh sử dụng có thể là Sao Hoà để dễ vẽ.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- Tình huống b: Vẽ đường tròn có tâm và bán kính cho trước (Dùng com pa để vẽ đường tròn tâm O bán kính 2 cm)

- HS nêu tên dụng cụ để vẽ đường tròn.
- HS dùng com pa để vẽ đường tròn tâm O bán kính 2 cm.
- GV yêu cầu học sinh quan sát video về cách vẽ đường tròn tâm O bán kính 2 cm kết hợp quan sát tranh trong SGK.



- GV gọi 2-3 HS nêu cách vẽ đường tròn tâm O bán kính 2 cm.
- GV gọi HS nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, kết luận.

3. Hoạt động Thực hành, luyện tập (10 – 15')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2 (Trang 106/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

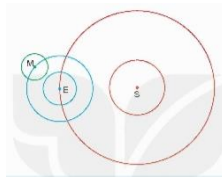
Bài 1.

- GV yêu cầu học sinh nêu cách vẽ đường tròn khi biết tâm và bán kính.

- HS lấy com pa, thước kẻ.
- HS làm việc theo nhóm đôi để vẽ đường tròn vào vở.
- GV gọi 1 nhóm chia sẻ cách vẽ đường tròn của nhóm mình.
- GV yêu cầu các nhóm nêu sự khác biệt khi vẽ 2 đường tròn trong câu a và câu b
- GV gọi HS nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2:

- a) - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát hình trong SGK rồi cho biết, để vẽ hình đó cần bao nhiêu đường tròn?



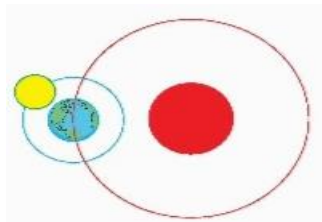
- GV yêu cầu học sinh nêu cách chia đường tròn thành các nhóm: nhóm đường tròn tâm S, nhóm đường tròn tâm E, nhóm đường tròn tâm M.
- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc và làm theo hướng dẫn.

- Bước 1: Vẽ đường tròn tâm S bán kính 25 mm và đường tròn tâm S bán kính 7 cm.
- Bước 2: Lấy điểm E trên đường tròn tâm S bán kính 7 cm vừa vẽ. Vẽ đường tròn tâm E bán kính 15 mm và đường tròn tâm E bán kính 3 cm.
- Bước 3: Lấy điểm M trên đường tròn tâm E bán kính 3 cm vừa vẽ. Vẽ đường tròn tâm M bán kính 12 mm.

- GV yêu cầu HS đổi vở cho nhau để nhận xét cho nhau.
- GV nhận xét, tuyên dương.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng hình thức làm việc cá nhân hoàn thành **Bài 2b) Em hãy tô màu và trang trí các hình tròn để được mô hình trái đất, mặt trời và mặt trăng (theo mẫu).**



- GV gọi HS lên trưng bày sản phẩm.
- GV giới thiệu tri thức khoa học về quỹ đạo và vị trí của một số hành tinh.
- GV nhận xét, tuyên dương.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

Bài 27: ĐƯỜNG TRÒN. CHU VI VÀ DIỆN TÍCH HÌNH TRÒN (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh nắm được cách tính chu vi hình tròn.
- Học sinh vận dụng được cách tính chu vi hình tròn trong một số tình huống thực tế.
- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV yêu cầu HS yêu cầu giới thiệu các sản phẩm ứng dụng đường tròn của mình.

- Giáo viên cho học sinh xem video hoặc hình ảnh người nghệ nhân làm vành nón rồi trả lời các câu hỏi:

+ Vành nón có dạng hình gì?

+ Để làm ra những chiếc nón có kích thước giống nhau, người ta cần làm gì?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới: Muốn tính chu vi của vành nón hay độ dài của vành nón ta có thể làm thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức mới (8 – 10’)

- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:



- Tình huống a:

+ Bạn Mai và Nam làm gì?

+ Bạn Rô-bốt đã nói gì về chu vi hình tròn?

+ Bạn Việt nói gì?

+HS đọc cách tính chu vi hình tròn trong SGK.

+ GV gọi HS đọc công thức tính chu vi hình tròn

+ GV có thể hướng dẫn cách vẽ một hành tinh: Đầu tiên, vẽ một đường tròn tâm o bán kính 15 cm. Sau đó, vẽ thêm các chi tiết bên trong và tô màu đường tròn này để được một hình tròn. Mẫu hành tinh sử dụng có thể là Sao Hoả để dễ vẽ.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- Tình huống b:

+ HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện hai nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: Tính chu vi hình tròn Mai đang đo.

Nhiệm vụ 2: Tính chu vi hình tròn Nam đang đo.

+ GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả.

- GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.

- GV yêu cầu học sinh nêu lại cách tính chu vi hình tròn khi biết đường kính hoặc bán kính.

- GV nhận xét, kết luận.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (10 – 15')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 108/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.

- HS nêu công thức tính chu vi hình tròn khi biết đường kính của hình tròn.

- HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập vào vở.

- HS đổi bài để chấm, chữa lại cho đúng.

- HS nhận xét, kết luận.

Bài 2.

- HS đọc đề bài.
- HS nêu công thức tính chu vi hình tròn khi biết bán kính của hình tròn.
- HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập vào vở.
- HS đổi bài để chấm, chữa lại cho đúng.
- HS nhận xét, kết luận.

Bài 3.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ, thảo luận nhóm để tìm ra chiều dài thanh tre.
- GV gọi đại diện nhóm lên trình bày.
- GV gọi HS nhận xét.
- GV Nhận xét, kết luận: **Chiều dài của thanh tre uốn thành cái cạp rổ là: 329 cm.**

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng hình thức trò chơi "ai nhanh, ai đúng" để học sinh nhận biết ứng dụng tính chu vi hình tròn trong thực tế.
- GV yêu cầu HS nêu thêm việc ứng dụng tính chu vi hình tròn trong thực tế.
- Nhận xét, tuyên dương.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

Bài 27: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS luyện tập cách tính chu vi hình tròn.

- Học sinh vận dụng được cách tính chu vi hình tròn trong một số tình huống thực tế.
- Học sinh có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.
- + Câu 1: Nêu công thức tính chu vi hình vuông.
- + Câu 2: Nêu công thức tính chu vi hình chữ nhật?
- + Câu 3: Nêu công thức tính chu vi hình tròn khi biết trước bán kính?
- + Câu 4: Nêu công thức tính chu vi hình tròn khi biết trước đường kính?
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 109 /SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1.

- HS làm việc nhóm để tính chu vi các hình và chọn ra hình có chu vi lớn nhất.
- GV gọi đại diện nêu kết quả
- GV gọi các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương.

****GV kết luận: Củng cố cách tính chu vi hình tròn, hình vuông, hình chữ nhật.***

Bài 2.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để tìm ra người nói đúng trong cuộc thử tài.
- GV gọi đại diện nhóm nêu đáp án và giải thích.
- GV gọi các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét kết quả làm việc của các nhóm, tuyên dương.

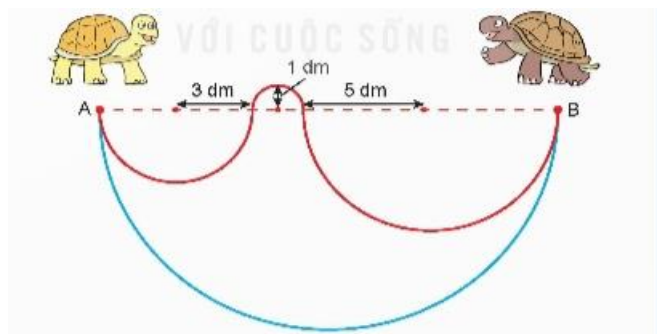
***GV kết luận: Củng cố cách tính chu vi hình tròn.**

Bài 3.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài.
- HS trình bày đầy đủ lời giải vào vở.
- GV Nhận xét, tuyên dương.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Bài 4.



- HS thảo luận nhóm 4 để giải bài toán.
- Đại diện các nhóm trình bày.
- HS nhận xét.
- GV nhận xét, kết luận: Cho dù trên đường màu đỏ có bao nhiêu nửa hình tròn đi nữa thì độ dài của nó luôn bằng độ dài của đường đi màu xanh.
- GV nhận xét tiết học.

- Dẫn dò.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

KHOA HỌC

Bài 12: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ NĂNG LƯỢNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Tóm tắt được những nội dung chính đã học dưới dạng sơ đồ.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng của chủ đề vào một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV giới thiệu trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” và phổ biến luật chơi: GV cho HS xem hình ảnh về sử dụng các dạng năng lượng (Ví dụ: thuyền buồm, bình nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời, con nước, quạt điện, máy bay,...) và yêu cầu HS đoán tên dạng năng lượng đó. Mỗi lần HS trả lời đúng được GV tặng một tích khen.

- GV điều hành HS chơi

- Sau khi tổ chức trò chơi, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ Em đã học về những nguồn năng lượng nào?

+ Các nguồn năng lượng đó đã được sử dụng trong cuộc sống như thế nào?

- GV nhận xét, kết luận, để dẫn vào bài mới.

- GV ghi bảng tên bài.

2. Hoạt động Thực hành, luyện tập (20 – 25’)

2.1. Tóm tắt được các nội dung chính đã học dưới dạng sơ đồ. (Làm việc nhóm 4)

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu.

- GV chiếu tranh lên bảng để HS quan sát, đồng thời hướng dẫn HS quan sát các bức tranh.

- HS thảo luận nhóm 4 và giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm:

+ Hoàn thiện sơ đồ hình 1.

+ Chia sẻ với bạn về việc sử dụng một số nguồn năng lượng trong cuộc sống hằng ngày.

- GV cho các nhóm trình bày

- GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho các nhóm để hiểu kỹ hơn về vai trò của các nguồn năng lượng trong cuộc sống. Chẳng hạn:

+ Hãy nêu ví dụ về việc sử dụng năng lượng chất đốt để chạy máy.

+ Sử dụng năng lượng mặt trời trong cuộc sống có lợi ích gì?

+ Vì sao cần tránh lãng phí khi sử dụng năng lượng chất đốt?

+Loại năng lượng nào sạch nhất?

- GV nhận xét, khen HS. Lưu ý HS thực hành tiết kiệm và đảm bảo an toàn khi sử dụng các nguồn năng lượng.

2.2. Vận dụng được kiến thức về sử dụng năng lượng điện vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống. (Làm việc nhóm 6)

- GV cho HS đọc: Thảo luận nhóm 6, Quan sát các hoạt động trong hình 2 và hoàn thành phiếu học tập

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 6 để hoàn thành phiếu học tập.

- GV cho đại diện nhóm trình bày

- HS nhận xét, giao lưu

- GV nhận xét, khen ngợi và hỏi:

+ Khi sử dụng năng lượng điện có thể xảy ra nguy hiểm gì?

+ Em đã từng chứng kiến sự cố liên quan đến sử dụng năng lượng điện chưa? Khi đó em có cảm nghĩ gì?

+ Cần làm gì để đảm bảo an toàn khi sử dụng năng lượng điện

- GV nhận xét, khen HS chốt: Cần thực hiện tốt các biện pháp an toàn khi sử dụng điện tránh các tai nạn đáng tiếc.

2.3 Vận dụng được kiến thức về sử dụng năng lượng vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.

- GV cho HS làm việc nhóm bàn xử lý tình huống với câu hỏi gợi ý:

+ Theo em, nguồn năng lượng nào tốt nhất để làm nóng chậu nước?

+ Em có thể làm gì để đảm bảo an toàn và tiết kiệm năng lượng khi đun nước?

- GV cho các nhóm trình bày phương án xử lý trong nhóm tổ, chọn cách xử lý thích hợp nhất trong tổ.

- GV cho nhóm đại diện tổ trình bày cách xử lý trước lớp, cho HS giao lưu, bình chọn phương án xử lý tốt nhất.

*** GV kết luận: Sử dụng năng lượng mặt trời an toàn và tiết kiệm hơn và góp phần bảo vệ môi trường.**

- GV hướng dẫn HS làm bài tập trang 37, 38 kết hợp chấm chữa bài.

4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò “Tuyên truyền viên nhí”: các tổ sáng tạo các động tác hoặc slogan tuyên truyền về sử dụng năng lượng an toàn và tiết kiệm.

- GV cho các tổ trình bày trước lớp.
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS học tích cực.
- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

KHOA HỌC

Bài 13: SINH SẢN CỦA THỰC VẬT CÓ HOA (TIẾT 1)

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Xác định được cơ quan sinh sản của thực vật có hoa.
- Phân biệt được hoa đơn tính và hoa lưỡng tính.
- Sử dụng sơ đồ đã cho ghi chú được tên các bộ phận của hoa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, tranh ảnh sưu tầm hoặc vật thể về các loại đất và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV phổ biến cách chơi và tổ chức cả lớp chơi trò chơi *Ong tìm mật* sử dụng các câu hỏi nhận biết một số hoa quen thuộc và chức năng của hoa như gợi ý trong SGK:
 - + Có 3 đội chơi với 6 câu hỏi tương ứng với 6 bông hoa, mỗi đội được quyền trả lời 2 câu hỏi. Đội nào trả lời đúng chú ong sẽ tìm được mật hoa, đội nào trả lời sai chú ong sẽ không lấy được mật. Đội nào không trả lời được hoặc trả lời sai sẽ nhường quyền trả lời cho các đội còn lại. Các đội chơi cùng giúp chú ong lấy được mật nhé.

+ Các câu hỏi tương ứng với hình hoa của các cây khác nhau. Các đội cho biết tên cây có hoa tương ứng đó. Một số hoa như hoa sen, hoa hoa bưởi, hoa hồng, hoa mướp, hoa đu đủ, hoa hướng dương,...

- GV tổng kết và đặt thêm câu hỏi cho đội chiến thắng: Theo các em, hoa có chức năng gì?

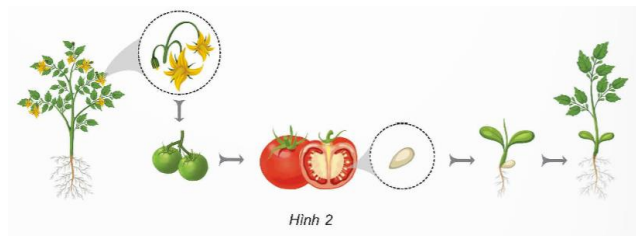
- GV không đánh giá đúng sai mà tìm ý để kết nối vào bài. Ví dụ: Hoa tham gia vào sự sinh sản của thực vật như thế nào? Các bộ phận của hoa là gì? Vai trò các bộ phận của hoa trong sinh sản ở thực vật như thế nào chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài hôm nay.

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới, ghi bảng: Cây có thể sống và phát triển trên các loại đất nhưng không thể trồng trên đá. Vậy, trong đất có những thành phần nào giúp cho cây trồng có thể phát triển, các em cùng tìm hiểu ở các hoạt động sau.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (8 – 10’)

2. 1. Cơ quan sinh sản của thực vật có hoa

- GV yêu cầu HS quan sát hình 2 về sự hình thành cây cà chua con từ cây cà chua mẹ và trả lời câu hỏi trong SGK.



- GV nhận xét, kết luận: Hoa là cơ quan sinh sản của thực vật có hoa.

+ Tên cơ quan sinh sản của cây cà chua.

+ Bộ phận nào của quả hình thành nên cây cà chua con?

- Khi xác định được hoa là cơ quan sinh sản của thực vật, GV có thể sử dụng *kỹ thuật KWL* để tổ chức khám phá bài học:

+ GV phát bảng nhóm, đồng thời chia bảng lớp thành 3 cột: *K* (những điều đã biết), *W* (điều muốn biết) và *L* (điều học được).

+ GV yêu cầu: Hãy nói những điều em biết về các bộ phận của hoa và sự sinh sản tạo cây con ở thực vật có hoa và yêu cầu HS ghi vào cột K.

+ GV quan sát và viết tổng hợp, chốt lọc nhanh các ý và viết vào cột K.

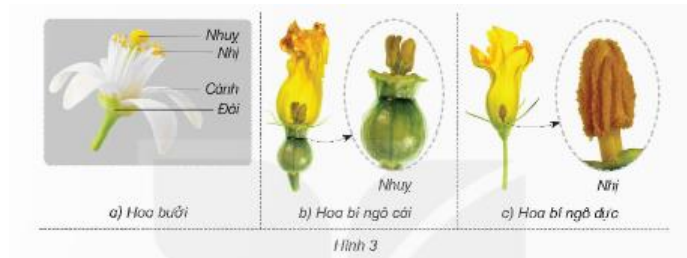
+ GV hỏi: Em có muốn tìm hiểu thêm điều gì về các bộ phận của hoa, vai trò các bộ phận đó với sự sinh sản của cây.

- GV quan sát và viết tổng hợp, chốt lọc nhanh các ý và viết vào cột W.

GV dẫn dắt: Để giải đáp những điều muốn biết chúng ta cùng khám phá về các bộ phận của một số hoa.

2.2. Phân biệt hoa đơn tính và lưỡng tính

- GV yêu cầu HS đọc khung thông tin trang 49 và trả lời câu hỏi.



+ Hoa có những bộ phận nào?

+ Hoa đơn tính là gì? Hoa lưỡng tính là gì?

- GV nhận xét.

- GV dẫn dắt: Để tìm hiểu rõ hơn các bộ phận của hoa đơn tính, hoa lưỡng tính các em thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo.

- GV phân nhóm 4, yêu cầu HS quan sát hình 3 và 4 hoàn thành Phiếu học tập số 1, thời gian 5 phút.

- GV gọi đại diện nhóm trình bày phiếu, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhấn mạnh vào các bộ phận của nhị và nhụy hoa.

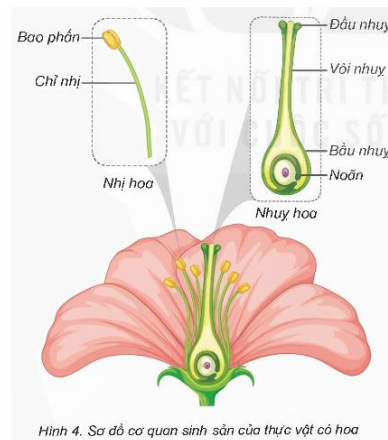
- GV tổ chức cho HS đọc phần em có biết tìm hiểu về hoa ngô

- GV chốt đáp án: Hình 3 cho biết hoa bưởi là hoa lưỡng tính, hoa bí ngô là hoa đơn tính

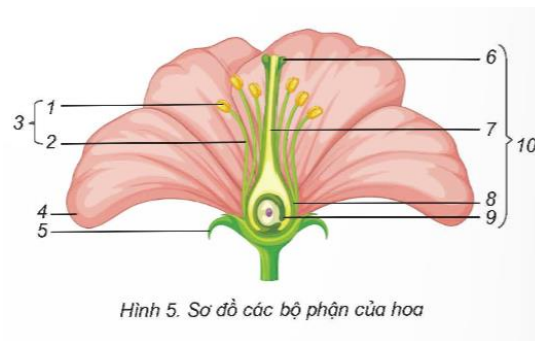
***GV kết luận: Hoa đơn tính chỉ có nhị hoặc nhụy; hoa lưỡng tính có cả nhị và nhụy trên cùng một hoa và ghi vào cột.**

3. Hoạt động Thực hành, luyện tập (10 – 15')

* Quan sát hình 4, chỉ và nói tên các bộ phận của nhị hoa, nhụy hoa.



* Chỉ trên hình 5 và nói tên các bộ phận của hoa.



- GV yêu cầu làm việc cá nhân rồi thảo luận nhóm để thực hiện bài tập 1.
- GV gọi đại diện 1 nhóm lên chia sẻ kết quả, chỉ và nói các bộ phận của hoa trên hình.
- GV nhận xét các ý kiến và điều chỉnh (nếu có).

***Thu thập, xác định hoa đơn tính, hoa lưỡng tính**

- GV tổ chức cho HS thực hành quan sát các bộ phận của hoa mang đến lớp như hoa bí, hoa bưởi, hoa li, hoa mướp,... hoặc nếu có vườn trường thì tổ chức HS tham quan vườn trường, quan sát và chỉ (hoặc ghi lại) các bộ phận của một số hoa quan sát vào bảng báo cáo.

- GV theo dõi hoạt động HS.

- GV yêu cầu các nhóm dán các phiếu kết quả lên bảng, đại diện các nhóm trình bày, các nhóm theo dõi bổ sung, điều chỉnh (nếu có).

- GV hướng dẫn HS làm bài tập 1, 2, 3 trang 39 VBT và kết hợp chấm chữa bài.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

+ GV tổng kết và dặn dò HS chuẩn bị tiết học sau mang một số quả non hoặc quả già đến lớp.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN CÙNG CỐ**ÔN TẬP ĐƯỜNG TRÒN. CHU VI VÀ DIỆN TÍCH HÌNH TRÒN (TIẾT 1, 2)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập, củng cố nhận diện được đặc điểm, các yếu tố của một hình tròn (tâm và bán kính).
- Ôn tập, củng cố công thức tính chu vi diện tích hình tròn.
- Vận dụng kiến thức về tính chu vi, diện tích hình tròn vào giải quyết tình huống gắn với thực tế.

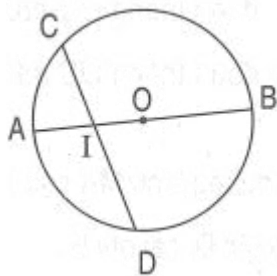
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, phiếu BT.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

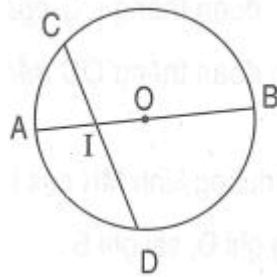
- GV trình chiếu và cho HS hoàn thành trò chơi ppt:

Câu 1: Nhìn hình vẽ sau và cho biết tâm của hình tròn là:



- | | |
|-----------|-----------|
| A. Điểm B | B. Điểm A |
| C. Điểm O | D. Điểm I |

Câu 2: Nhìn hình vẽ sau và cho biết bán kính, đường kính của hình tròn là:



A. Bán kính: AO, OB; Đường kính: AB

B. Bán kính: IA; Đường kính: CD

C. Bán kính: AO, CD; Đường kính: AB

D. Bán kính: IB; Đường kính: CD

Câu 3: Công thức tính chu vi hình tròn là :

A. Chu vi hình tròn = Bán kính $\times 2 \times 3,14$

B. Chu vi hình tròn = Bán kính $\times 3 \times 3,14$

C. Chu vi hình tròn = Bán kính $\times 3,14$

D. Chu vi hình tròn = Bán kính : $2 \times 3,14$

Câu 4: Công thức tính chu vi hình tròn là:

A. Chu vi hình tròn = Đường kính $\times 2 \times 3,14$

B. Chu vi hình tròn = Đường kính $\times 3 \times 3,14$ C. Chu vi hình tròn = Đường kính $\times 3,14$

D. Chu vi hình tròn = Đường kính : $2 \times 3,14$

Câu 5: Công thức tính diện tích của hình tròn là:

A. Diện tích hình tròn = Bán kính \times bán kính $\times 3,14$

B. Diện tích hình tròn = Bán kính \times bán kính : $3,14$

C. Diện tích hình tròn = Bán kính $\times 3,14$

D. Diện tích hình tròn = Bán kính : $3,14$

- GV nhận xét, tuyên dương, sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (25 – 30')

a. Hoạt động củng cố lý thuyết

- GV nêu câu hỏi:

+ **HS 1:** Em hãy phát biểu công thức tính chu vi hình tròn.

+ **HS 2:** Em hãy phát biểu công thức tính diện tích hình tròn.

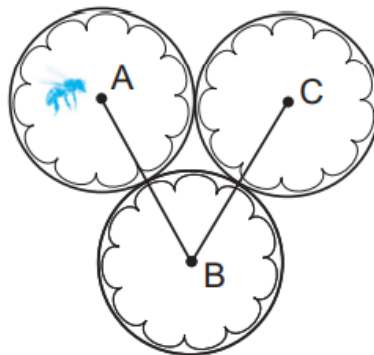
- GV nhận xét, tuyên dương HS nhớ kiến thức.

- GV nhận xét, chuyển sang nội dung làm bài tập.

b. Hoạt động thực hành, luyện tập

- GV phát Phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS hoàn thành vào phiếu (hoàn thành tại nhà nếu hết thời gian).

Bài tập 1: Trong hình vẽ bên có ba hình tròn, mỗi hình tròn đều có bán kính 9cm. Chú ong bay đi lấy mật từ điểm A đến điểm C theo đường gấp khúc ABC. Hỏi chú ong đã bay bao nhiêu xăng – ti – mét?



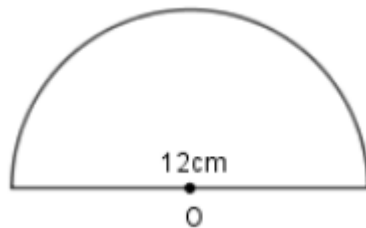
- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập cá nhân.

- GV gọi 3 HS lên bảng thực hiện, mỗi HS 2 câu.
- GV mời HS nhận xét bài làm trên bảng.
- GV chốt đáp án.

Bài tập 2: Một sợi dây dài 46,68m, người ta dùng sợi dây đó để uốn một cái khung hình tròn, biết sau khi uốn xong thì còn lại 9m. Hỏi người ta uốn được hình tròn có bán kính bao nhiêu mét?

- GV cho HS làm bài cá nhân.
- GV mời 3 HS lên bảng trình bày, mỗi bạn 1 câu.
- HS còn lại quan sát, nhận xét.
- GV chốt đáp án đúng.

Bài tập 3: Cho nửa hình tròn như hình vẽ, đường kính hình tròn là 12cm. Hãy tính chu vi của hình đó.



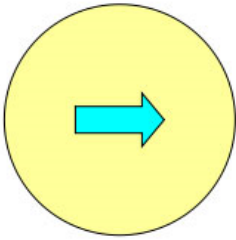
- GV cho HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở chấm 3 HS bất kì và gọi 2 HS lên bảng, mỗi bạn một phần.
- Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét bài làm của bạn.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 4: Bánh xe bé của một máy kéo có bán kính 0,5 m. Bánh xe lớn của máy kéo đó có bán kính 1m. Hỏi khi bánh xe bé lăn được 10 vòng thì bánh xe lớn lăn được mấy vòng.

- GV cho HS làm bài cá nhân.

- GV mời 1 HS trình bày đáp án, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 5: Một biển báo giao thông tròn có đường kính 40cm. Diện tích phần mũi tên trên biển báo bằng $\frac{1}{5}$ diện tích của biển báo. Tính diện tích phần mũi tên.



- GV cho HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở 3 HS chấm, mời 1 HS trình bày cách giải, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 6: Sân trường em hình chữ nhật có chiều dài 45m và hơn chiều rộng 6,5m. Chính giữa sân có 1 bồn hoa hình tròn đường kính 3,2m. Tính diện tích sân trường còn lại.

- GV cho HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở 3 HS chấm, mời 1 HS trình bày cách giải, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

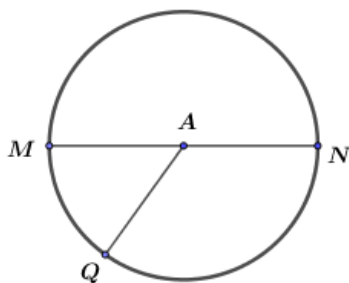
3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (30 – 35’)

PHIẾU HỌC TẬP

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Hình tròn dưới đây có tâm gì?

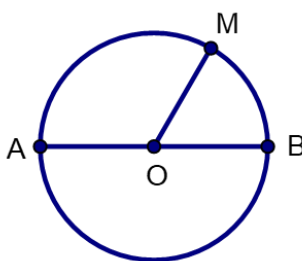


A. Tâm M

B. Tâm Q

C. Tâm A

D. Tâm N

Câu 2: Các bán kính của hình tròn dưới là:

A. OA, OM, OB

B. OA, AB, OM

C. OA, MB, OB

D. OB, MA, MB

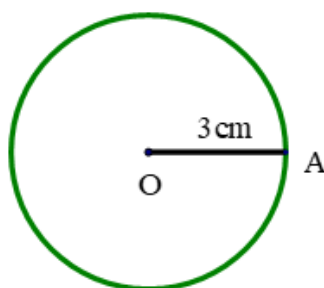
Câu 3: Một bánh xe có đường kính là 0,75m. Tính bán kính của bánh xe đó.

A. 0,375m

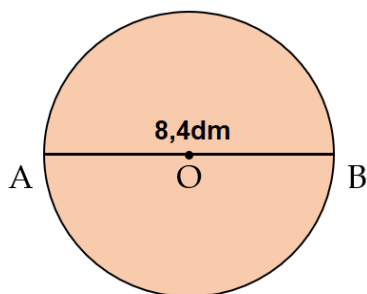
B. 1,5m

C. 0,089m

D. 0,548m

Câu 4: Chọn đáp án đúng:A. $C = 6 \times 2 \times 3,14$ B. $C = 3:2 \times 3,14$ C. $C = 3 \times 3,14$ D. $C = 3 \times 2 \times 3,14$

Câu 5: Chu vi của hình tròn dưới là:



- A. 52,752dm B. 52,752cm C. 26,376dm D. 26,376cm

Câu 6: Một chiếc bánh có đế hình tròn có chu vi là 87,92cm. Hỏi bán kính của chiếc bánh là bao nhiêu?



- A. 14cm B. 15cm C. 27cm D. 43,96cm

Câu 7: Muốn tính diện tích hình tròn khi biết bán kính ta làm thế nào?

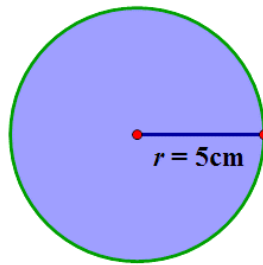
A. $S = r \times r \times 3,14$

B. $r \times 3,14$

C. $d \times d \times 3,14$

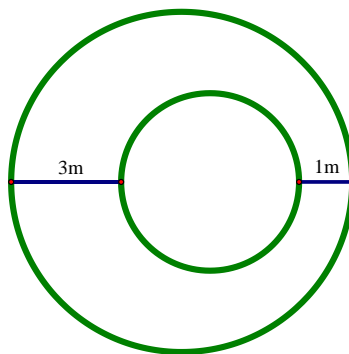
D. $r \times 3,14 \times 3,14$

Câu 8: Diện tích hình tròn dưới là:



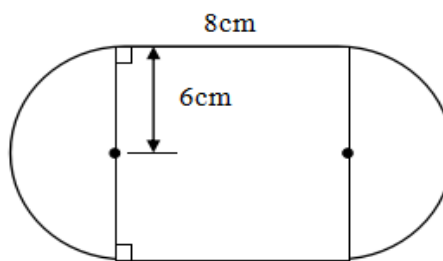
- A. 38cm^2 B. $84,5\text{cm}^2$ C. $78,5\text{cm}^2$ D. $52,7\text{cm}^2$

Câu 9: Một ao cá hình tròn có chu vi 31,4m. Nay người ta mở rộng ao cá để được một hình tròn rộng hơn (xem hình vẽ). Tính diện tích ao cá sau khi mở rộng thêm.



- A. $153,86\text{m}^2$ B. $75,5\text{m}^2$ C. 14m^2 D. 258m^2

Câu 10: Diện tích hình H đã cho là tổng diện tích hình chữ nhật và hai nửa hình tròn. Tìm diện tích hình H.



H

- A. $113,04\text{cm}^2$ B. 96cm^2 C. 116cm^2 D. $209,04\text{cm}^2$

II. Phần tự luận.

Bài 1: Một bánh xe có đường kính là 0,75m. Tính chu vi của bánh xe đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tính bán kính của hình tròn có chu vi 0,314cm.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Một sợi dây thừng quấn quanh một gốc cây đúng 3 vòng. Mỗi vòng có dạng đường tròn có bán kính 2dm. Phần dây không quấn vào thân cây dài 2,8m. Hỏi sợi dây thừng đó dài bao nhiêu mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Trống đồng Ngọc Lũ là một trong những chiếc trống đồng cổ hiện được lưu trữ tại Bảo tàng lịch sử Việt Nam.



*Trống đồng nặng 86 kg, cao 63 cm
đường kính 79 cm*



Mặt trống đồng có

Tính diện tích một mặt của một chiếc trống đồng Ngọc Lũ.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Để cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) đi vào đường theo chiều đặt biển, trừ các xe được ưu tiên theo quy định, người ta đặt biển cấm đi ngược chiều. Người đi bộ được phép đi trên vỉa hè hoặc lề đường.



Biển báo có dạng hình tròn, đường kính 70cm.

a) Tính diện tích biển báo.

b) Ở chính giữa biển báo là hình chữ nhật được sơn màu trắng có chiều rộng 10cm, chiều dài 50cm. Phần còn lại của biển báo sơn màu đỏ. Tính phần diện tích phần được sơn màu đỏ của biển báo.

c) Nêu suy nghĩ của em về hình ảnh trong bài.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6: Sân trường Nguyễn Huệ hình thang có trung bình cộng hai đáy 40m, chiều cao 30m. Giữa sân, người ta xây một bồn hoa hình tròn có chu vi 12,56m. Tính diện tích còn lại của sân trường Nguyễn Huệ?

Bài giải

.....

.....

.....

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN CÙNG CỘ

LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Ôn tập, củng cố nhận diện được đặc điểm, các yếu tố của một tam giác, hình thang và hình tròn (tâm, bán kính)
- Ôn tập, củng cố công thức tính diện tích tam giác, hình thang, nhận biết và vẽ được tam giác và đường cao của tam giác, hình thang.
- Ôn tập, củng cố công thức tính chu vi, diện tích hình tròn.
- Vận dụng kiến thức về tính diện tích tam giác, hình thang; tính chu vi, diện tích hình tròn vào giải quyết tình huống gắn với thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, phiếu BT.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "*Lời mời chơi*"

+ GV mời một HS xung phong, đưa ra những lời mời ôn lại kiến thức đã học về hình phẳng (tam giác, hình thang, hình tròn) bạn nào nhận được lời mời sẽ thực hiện lời mời.

+ Chẳng hạn:

Bạn A: Mời bạn nêu các loại tam giác đã học.

Bạn B: Tam giác nhọn, tam giác vuông, tam giác tù.

+ GV bấm giờ, trong vòng 3p, các bạn tham gia trả lời đúng sẽ được nhận thưởng, bạn trả lời sai sẽ nhận một hình phạt nhỏ (múa, hát,...).

- Kết thúc trò chơi, GV dẫn dắt vào tiết mới, giới thiệu các dạng bài tập sẽ làm trong buổi học.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (25 – 30')

a. Hoạt động củng cố lý thuyết

- GV nêu câu hỏi:

+ **HS 1:** Em hãy phát biểu công thức tính diện tích tam giác

+ **HS 2:** Em hãy phát biểu công thức tính diện tích hình thang

+ **HS 3:** Em hãy phát biểu công thức tính chu vi và diện tích hình tròn.

- GV nhận xét, tuyên dương HS nhớ kiến thức.

- GV nhận xét, chuyển sang nội dung làm bài tập.

b. Hoạt động thực hành, luyện tập

- GV phát Phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS hoàn thành vào phiếu (hoàn thành tại nhà nếu hết thời gian).

Bài tập 1: Một đu quay có mái hình tròn với bán kính là 4,2 m. Hãy tính chu vi và diện tích mái đu quay đó.

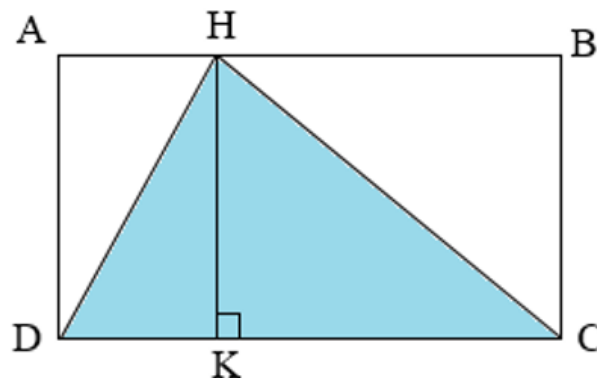


- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập cá nhân.
- GV gọi 3 HS lên bảng thực hiện, mỗi HS 2 câu.
- GV mời HS nhận xét bài làm trên bảng.
- GV chốt đáp án.

Bài tập 2: Cho hình thang có hai đáy lần lượt là 3 m và 7 m, chiều cao 2,8 m. Hãy tính diện tích hình thang đó.

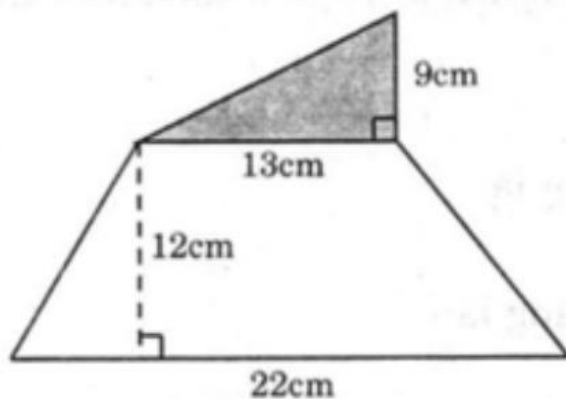
- GV cho HS làm bài cá nhân.
- GV mời 3 HS lên bảng trình bày, mỗi bạn 1 câu.
- HS còn lại quan sát, nhận xét.
- GV chốt đáp án đúng.

Bài tập 3: Tính diện tích tam giác HDC. Biết chiều dài của hình chữ nhật ABCD là 5cm và diện tích là $15,25\text{cm}^2$.



- GV cho HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở chấm 3 HS bất kì và gọi 2 HS lên bảng, mỗi bạn một phần.
- Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét bài làm của bạn.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 4: Hình dưới được tạo bởi 1 hình tam giác và một hình thang. Hãy tính diện tích hình đó.



- GV cho HS làm bài cá nhân.
- GV mời 1 HS trình bày đáp án, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 5: Bánh xe bé của một máy kéo có bán kính 0,6 m. Bánh xe lớn của máy kéo đó có bán kính 1,2 m. Vậy khi bánh xe bé lăn được 20 vòng thì bánh xe lớn lăn được bao nhiêu vòng?

- GV cho HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở 3 HS chấm, mời 1 HS trình bày cách giải, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (30 – 35’)

PHIẾU HỌC TẬP

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Một chiếc bánh sinh nhật hình tròn có đường kính là 15cm. Vậy chu vi chiếc bánh là ... cm.

A. 47,1

B. 41,7

C. 52,3

D. 52,8

Câu 2: Diện tích của mặt bàn có bán kính 50cm là ... xăng – ti – mét vuông.

A. 314

B. 8750

C. 7850

D. 628

Câu 3: Diện tích hình tròn tâm O có đường kính bằng độ dài cạnh hình vuông ABCD. Biết rằng cạnh hình vuông ABCD bằng 10cm.

A. $69,5 \text{ cm}^2$

B. $84,4 \text{ cm}^2$

C. $78,4 \text{ cm}^2$

D. $78,5 \text{ cm}^2$

Câu 4: Một cái ao hình thang có đáy lớn 18,7 m, đáy bé 14,5 m, chiều cao 10 m. Hãy tính diện tích cái ao đó.

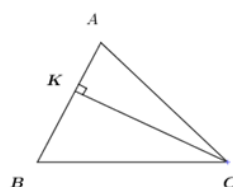
A. 177 m^2

B. 332 m^2

C. 166 m^2

D. 132 m^2

Câu 5: Hãy viết tên đáy và đường cao tương ứng của hình tam giác ABC trong hình bên:



A. AC là đường cao tương ứng với cạnh đáy AB

B. CK là đường cao tương ứng với cạnh đáy AB

C. CK là đường cao tương ứng với cạnh đáy BC

D. AC là đường cao tương ứng với cạnh đáy BC

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN TƯ DUY

BÀI TOÁN TƯ DUY VỀ HÌNH HỌC (TIẾT 1, 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Giúp học sinh:

- Quan sát hình vẽ, biết liên hệ với cuộc sống và giải các bài toán tư duy liên quan đến hình tam giác, hình thang, hình tròn.
- HS yêu thích học Toán.
- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Phiếu bài tập, File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

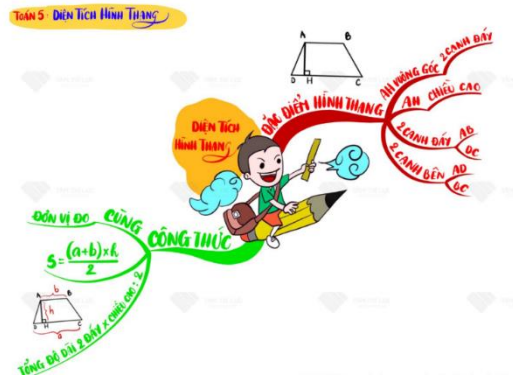
1. Hoạt động Khởi động mở đầu: Trò chơi “Thử tài giải toán” (3 – 5’)

- GV sử dụng phương pháp lớp học đảo ngược. Phát phiếu học tập về nhà cho HS chuẩn bị trước, sau đó sử dụng trò chơi thử tài giải toán để kiểm tra việc hoàn thành bài tập của HS.
- GV chia lớp thành hai đội để HS thi đấu với nhau.
- Trò chơi gồm 10 câu hỏi, các đội lần lượt trả lời câu hỏi của đội mình. Mỗi câu trả lời đúng giành được 1 điểm.
- GV giới thiệu trò chơi: GV mời 1 HS đọc luật chơi.

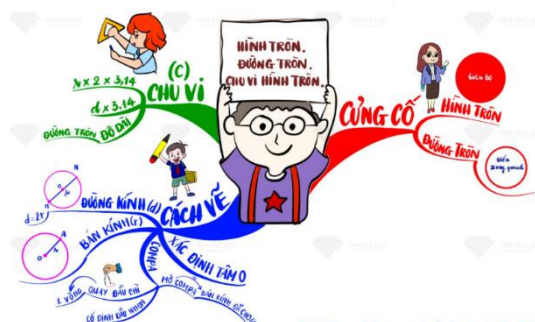
- GV tổng kết trò chơi.
- GV chốt kiến thức - Giới thiệu bài.

2. Hoạt động khám phá: (10 – 15')

- GV chia học sinh thành các nhóm 4, yêu cầu các nhóm thi vẽ sơ đồ tư duy hệ thống lại kiến thức theo 4 nội dung: Diện tích tam giác; diện tích hình thang; Chu vi và diện tích hình tròn.



TOÁN 5: HÌNH TRÒN, ĐƯỜNG TRÒN, CHU VI HÌNH TRÒN (2 TIẾT)



TOÁN 5: DIỆN TÍCH HÌNH TRÒN



- Đại diện các nhóm lên chia sẻ sơ đồ tư duy của nhóm mình; Các nhóm khác phỏng vấn và nhận xét.
- GV kết luận nội dung kiến thức đã học về hình tam giác, hình thang, hình tròn và mở rộng các công thức phụ để áp dụng cho các bài toán ngược.

3. Hoạt động thực hành, vận dụng (40 – 45')

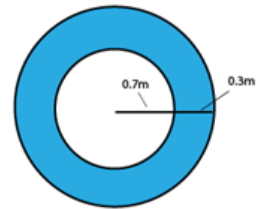
- GV hướng dẫn HS làm phiếu bài tập kết hợp chấm chữa bài.
- **Học sinh làm phiếu 20 phút.**

Bài 1. Cho tam giác ABC có BC = 67 dm. Nếu kéo dài đoạn BC thêm một đoạn CD = 15 dm thì diện tích tam giác tăng thêm 255 dm². Tính diện tích tam giác ABC.

Bài 2. Một thửa ruộng hình thang có đáy lớn 120m, đáy bé bằng $\frac{2}{3}$ đáy lớn và bằng $\frac{4}{3}$ chiều cao. Người ta trồng ngô trên thửa ruộng đó, tính ra trung bình 100 m² thu được 50 kg ngô. Hỏi cả thửa ruộng thu được bao nhiêu tạ ngô?

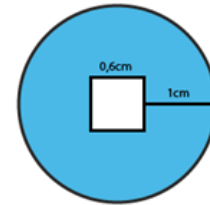
Bài 3. Một mảnh đất hình thang có đáy nhỏ 18,5m, đáy lớn 26,4m. Nếu kéo dài đáy lớn thêm 5m thì diện tích tăng thêm 22,5m². Tính diện tích mảnh đất đó.

Bài 4. Một hình thang có diện tích 361,8m², hiệu của hai đáy là 13,5. Tính độ dài mỗi đáy biết rằng nếu đáy lớn tăng thêm 5,6m thì diện tích hình thang sẽ tăng 33,6m².



Bài 5.

a/ Người ta đào một cái giếng, miệng giếng nước là một hình tròn có bán kính 0,7m. Người ta xây thành giếng rộng 0,3m bao quanh miệng giếng. Tính diện tích của thành giếng đó.



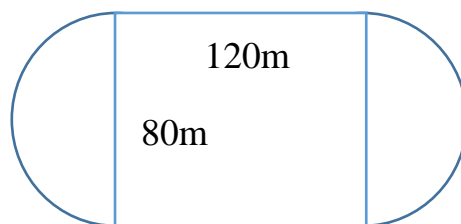
b/ Người ta làm một đồng xu bằng kim loại có kích thước như hình vẽ.

Tính diện tích kim loại làm đồng xu đó.

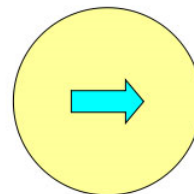
Bài 6. Một sân vận động có hình dáng và kích thước như hình vẽ bên. Tính:

a) Chu vi sân vận động.

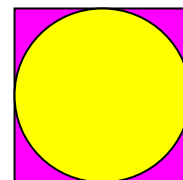
b) Diện tích sân vận động.



Bài 7. Một biển báo giao thông tròn có đường kính 40cm. Diện tích phần mũi tên trên biển báo bằng $\frac{1}{5}$ diện tích của biển báo. Tính diện tích phần mũi tên?



Bài 8. Tính diện tích của hình tròn biết diện tích của hình vuông là 25cm^2

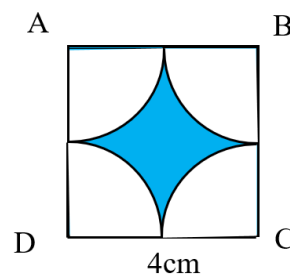


Bài 9. Nắp cống là dụng cụ để đẩy lên các cống trên đường nhằm tạo thuận tiện cho việc nạo vét cống cũng như giữ gìn vệ sinh môi trường. Một nắp cống hình tròn có đường kính 60cm, khung nắp cống là hình vuông có cạnh 85cm, bị rỗng một phần dạng hình tròn có diện tích bằng diện tích nắp cống.

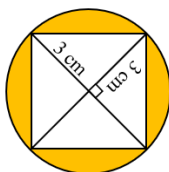


- Tính diện tích nắp cống (coi như phần diện tích mỗi nối với khung nắp không đáng kể)
- Tính diện tích phần khung của nắp cống

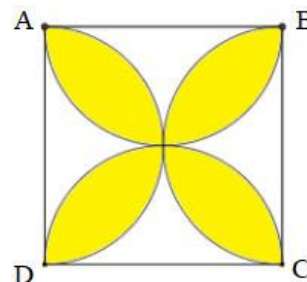
Bài 10. Tính diện tích phần đã tô màu trong hình sau:



Bài 11. Cho hình vuông ABCD có cạnh 4cm. Tính diện tích phần tô đậm của hình vuông ABCD (xem hình vẽ).



Bài 12. Cho hình vuông ABCD có cạnh 4cm. Trong hình vuông có bốn nửa hình tròn bằng nhau và cắt nhau tạo thành bông hoa bốn cánh. Tính diện tích bông hoa đó.



• **GV tổ chức chữa bài (25 phút)**

- GV cho HS tạo nhóm 4 để thảo luận theo PP khăn trải bàn.
- HS thực hành tạo nhóm và hoạt động theo hướng dẫn của GV.
- Các nhóm chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào phiếu.

**Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT*

**Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT*

4. Hoạt động củng cố (3 – 5')

- GV chốt nội dung bài học.
- Nhận xét kỹ năng làm bài, thảo luận nhóm hiệu quả của HS.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

Ký duyệt của BGH

Khối trưởng ký duyệt

Người soạn

Lê Công Thắng

Nguyễn Thị Lan Anh

Cao Thị Huệ